

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 10/2023/DS-PT

Ngày 05 – 01 – 2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Lê Huy;

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 407/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 399/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1962;

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979, địa chỉ: số 19/8A L, Phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (văn bản uỷ quyền ngày 23 tháng 3 năm 2022) (có mặt).

- Bị đơn: Ông Dương Văn S, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

** Người kháng cáo: Bị đơn Dương Văn S.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày:*

Bà Trần Thị B có cho ông Dương Văn S vay tiền làm nhiều lần, tổng số tiền vốn là 195.000.000 đồng, lãi suất là 2%/tháng. Cụ thể:

Ngày 06/6/2019 AL (ngày 10/04/2019 DL), ông S vay 65.000.000 đồng

Ngày 06/10/2019 AL (ngày 02/11/2019 DL), ông S vay 50.000.000 đồng

Ngày 11/01/2020 AL (ngày 03/02/2020 DL), ông S vay 10.000.000 đồng

Ngày 29/02/2020 AL (ngày 22/3/2020 DL), ông S vay 10.000.000 đồng

Ông S có trả lãi cho bà B đến tháng 3 năm 2020 thì không trả tiền lãi và cũng không có trả nợ gốc.

Ông Dương Văn S có vay tiếp, cụ thể:

Ngày 06/8/2020 AL (ngày 26/9/2020 DL), ông S vay 20.000.000 đồng

Ngày 10/12/2020 AL (ngày 22/01/2021 DL), ông S vay 20.000.000 đồng

Ngày 21/4/2021 AL (ngày 01/6/2021 DL), ông S vay 20.000.000 đồng

Khi vay thêm, ông S trình bày do làm ăn khó khăn, thời buổi kinh tế dịch bệnh nên xin trả lãi sau. Ông S hứa bán đất trả hết nợ cho bà B nhưng không thực hiện.

Nay bà B khởi kiện ông Dương Văn S yêu cầu ông S trả cho bà số tiền nợ gốc là 195.000.000 đồng và tiền lãi được tính theo mức lãi suất 1,66%/tháng, tính theo từng biên nhận nợ từ tháng 4 năm 2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện như sau:

Số tiền 65.000.000 đồng, tính lãi kể từ ngày 10/4/2020 DL, mỗi tháng là $1.079.000 \text{ đồng} \times 23 \text{ tháng} = 24.817.000 \text{ đồng}$.

Số tiền 50.000.000 đồng, tính lãi kể từ ngày 02/4/2020 DL, mỗi tháng là $830.000 \text{ đồng} \times 23 \text{ tháng} = 19.090.000 \text{ đồng}$.

Số tiền 10.000.000 đồng, tính lãi kể từ ngày 03/4/2020 DL, mỗi tháng là $166.000 \text{ đồng} \times 23 \text{ tháng} = 3.818.000 \text{ đồng}$.

Số tiền 10.000.000 đồng, tính lãi kể từ ngày 22/4/2020 DL, mỗi tháng là $166.000 \text{ đồng} \times 23 \text{ tháng} = 3.818.000 \text{ đồng}$.

Số tiền 20.000.000 đồng, tính lãi kể từ ngày 26/9/2020 DL, mỗi tháng là

$332.000 \text{ đồng} \times 18 \text{ tháng} = 5.976.000 \text{ đồng}.$

Số tiền 20.000.000 đồng, tính lãi kể từ ngày 22/01/2021 DL, mỗi tháng là $332.000 \text{ đồng} \times 14 \text{ tháng} = 4.648.000 \text{ đồng}.$

Số tiền 20.000.000 đồng, tính lãi kể từ ngày 01/6/2021 DL, mỗi tháng là $332.000 \text{ đồng} \times 09 \text{ tháng} = 2.988.000 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền lãi tạm tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện là 65.155.000 đồng. Tổng số tiền bà B yêu cầu ông S phải trả tạm tính là 260.155.000 đồng. Thời hạn thanh toán ngay khi án có hiệu lực thi hành.

** Bị đơn ông Dương Văn S trình bày:* Do hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn, ông có vài lần vay tiền của bà Trần Thị B với lãi suất là 5%/tháng. Tính đến nay, ông đã trả đầy đủ các khoản vốn và lãi cho bà B nên ông không còn nợ bà B bất cứ khoản tiền nào. Ngoài ra ông không có ghi và cũng không có ký tên trên bất cứ tờ biên nhận nợ nào cho bà Trần Thị B. Các biên nhận do bà Trần Thị B cung cấp (nếu có) thì ông cho rằng là hoàn toàn giả mạo, không phải chữ ký và cũng không phải chữ viết của ông. Ông Dương Văn S đề nghị Toà án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 407/2022/DS-ST ngày 20/9/2022 của Toà án nhân dân huyện C, đã áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 161, 162, 271, 273, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B.

1. Buộc bị đơn ông Dương Văn S trả cho bà Trần Thị B số tiền vốn vay là 195.000.000 đồng, số tiền lãi là 42.833.526 đồng. Tổng cộng là 237.833.526 đồng (*Hai trăm ba mươi bảy triệu tám trăm ba mươi ba nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 03/10/2022, bị đơn Dương Văn S có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm số 407/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm và tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết yêu cầu kháng cáo: Ông S kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S có đơn xin miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm vì là người cao tuổi. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét ý kiến trình bày của ông Dương Văn S, ông S cho rằng ông không có ghi và cũng không có ký tên trên bất cứ tờ biên nhận nợ nào cho bà Trần Thị B. Ngày 29/7/2022, Tòa án tiến hành tạm ngừng phiên tòa để trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trên 07 tờ biên nhận do bà B cung cấp. Tại kết luận giám định số 865/KL-KTHS(Đ) ngày 07/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Tiền Giang kết luận: “Chữ viết nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A7 so với chữ viết đứng tên Dương Văn S trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người viết ra. Chữ ký mang tên Dương Văn S trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A7 so với chữ ký mang tên Dương Văn S trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một người ký ra. Chữ viết họ tên Dương Văn S (dưới mục người mượn) trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A7 so với

chữ viết họ tên Dương Văn S trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4, M5 là do cùng một người viết ra”. Ông Dương Văn S đã được Toà án tổng đạt kết luận giám định số 865/KL-KTHS(Đ) ngày 07/9/2022 nhưng ông không có ý kiến gì về bản kết luận giám định nêu trên. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận ông Dương Văn S có vay nợ của bà Trần Thị B thể hiện qua 07 biên nhận nợ do bà B cung cấp.

Xét thấy, theo các biên nhận nợ bản chính thể hiện ông Dương Văn S có vay của bà Trần Thị B tổng số tiền là 195.000.000 đồng, không thể hiện thoả thuận về lãi suất. Tuy nhiên, theo bà B trình bày hai bên có thoả thuận lãi suất là 2%/tháng, sau khi vay thì ông S có trả tiền lãi đến tháng 3 năm 2020 thì ngưng không trả tiền lãi và tiền nợ gốc là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Ông S trình bày ông đã trả đầy đủ các khoản vốn và lãi cho bà B nên ông không còn nợ bà B bất cứ khoản tiền nào nhưng ông không có gì chứng minh việc ông đã trả tiền vốn và lãi cho bà B theo 07 biên nhận nợ do bà B cung cấp. Do đó, việc bà B yêu cầu ông S trả lại số tiền vốn là 195.000.000 đồng theo các biên nhận là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S đồng ý trả cho bà B số tiền vốn và lãi là 200.000.000 đồng, yêu cầu được trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng nhưng không được đại diện ủy quyền của phía nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ cho Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi, cấp sơ thẩm tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng theo từng biên nhận nợ đến ngày xét xử sơ thẩm của bà B phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về số tiền lãi ông S phải trả cho bà B cụ thể như sau:

Số tiền 65.000.000 đồng, tính lãi kể từ ngày 10/4/2020 DL, mỗi tháng là $539.500 \text{ đồng} \times 29 \text{ tháng} 10 \text{ ngày} = 15.825.333 \text{ đồng}$.

Số tiền 50.000.000 đồng, tính lãi kể từ ngày 02/4/2020 DL, mỗi tháng là $415.000 \text{ đồng} \times 29 \text{ tháng} 18 \text{ ngày} = 12.283.994 \text{ đồng}$.

Số tiền 10.000.000 đồng, tính lãi kể từ ngày 03/4/2020 DL, mỗi tháng là $83.000 \text{ đồng} \times 29 \text{ tháng} 17 \text{ ngày} = 2.454.033 \text{ đồng}$.

Số tiền 10.000.000 đồng, tính lãi kể từ ngày 22/4/2020 DL, mỗi tháng là $83.000 \text{ đồng} \times 28 \text{ tháng} 29 \text{ ngày} = 2.404.233 \text{ đồng}$.

Số tiền 20.000.000 đồng, tính lãi kể từ ngày 26/9/2020 DL, mỗi tháng là $166.000 \text{ đồng} \times 23 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 3.956.333 \text{ đồng}$.

Số tiền 20.000.000 đồng, tính lãi kể từ ngày 22/01/2021 DL, mỗi tháng là $166.000 \text{ đồng} \times 19 \text{ tháng} 29 \text{ ngày} = 3.314.467 \text{ đồng}$.

Số tiền 20.000.000 đồng, tính lãi kể từ ngày 01/6/2021 DL, mỗi tháng là 166.000 đồng $\times$ 15 tháng 19 ngày = 2.595.133 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi là: 42.833.526 đồng

Tổng cộng gốc và lãi là 237.833.526 đồng

Về chi phí tố tụng: chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 2.900.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu phần chi phí tố tụng này, nguyên đơn đã tạm ứng nộp chi phí tố tụng là 2.900.000 đồng nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Dương Văn S, giữ nguyên án sơ thẩm.

Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Xét đơn xin miễn tiền án phí ông Dương Văn S với lý do là người cao tuổi, mất sức lao động. Tại Điều 2 Luật người cao tuổi quy định: “Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên” tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm, ông S trên 60 tuổi nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin miễn tiền án phí của ông S. Do đó, ông Dương Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm theo quy định nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 điều 308 BLTTDS.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 161, 162, 271, 273, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Dương Văn S, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 407/2022/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang về phần án phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B.

1. Buộc bị đơn ông Dương Văn S trả cho bà Trần Thị B số tiền vốn vay là 195.000.000 đồng, số tiền lãi là 42.833.526 đồng. Tổng cộng là 237.833.526 đồng (*Hai trăm ba mươi bảy triệu tám trăm ba mươi ba nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Dương Văn S phải hoàn lại cho bà Trần Thị B số tiền 2.900.000 đồng (*Hai triệu chín trăm nghìn đồng*)

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Dương Văn S, hoàn trả cho ông S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0020976 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong